MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN VIỆT NAM ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC ĐẾN QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ

Nguyễn Hồi Loan

Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn.

Trong quá trình vận động và phát triển của mỗi dân tộc trên thế giới, các dân tộc đều hình thành truyền thống văn hoá đặc trưng cho dân tộc mình. Văn hoá là sản phẩm của con người và tự nhiên, nên mọi sự khác biệt trong truyền thống văn hoá của các dân tộc là do sự khác biệt về điều kiện tự nhiên (địa lý - khí hậu) và xã hội (lịch sử - kinh tế) quy định. Trong phát triển kinh tế hiện nay, xu hướng hội nhập kinh tế giữa các nước là một tất yếu và như vậy sẽ dẫn đến sự "va chạm" giữa các nền văn hoá khác nhau. Trong đó, những đặc điểm tâm lý của dân tộc là "cốt lõi" tạo nên sự thuận lợi hoặc cản trở trong quá trình hội nhập. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến những đặc điểm tâm lý của người nông dân Việt Nam (80% dân số Việt Nam làm nông nghiệp) ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình hội nhập kinh tế hiện nay ở Việt Nam.

Ở Việt Nam, người nông dân sống phụ thuộc vào thiên nhiên rất nhiều. Họ sống cố định một chỗ, ở dưới một mái nhà với mảnh vườn của mình được bao bọc bởi luỹ tre làng bảo vệ. Trong sản xuất, người nông dân phụ thuộc vào nhiều hiện tượng của tự nhiên như trời, đất, nắng, mưa... Bởi vậy mà họ rất tôn trọng, hoà thuận với tự nhiên và phụ thuộc vào nó. Sống phụ thuộc vào tự nhiên làm người nông dân dễ trở nên rụt rè, thụ động. Người Việt đã tích luỹ được những kinh nghiệm hết sức phong phú trong sản xuất, đó là hệ thống tri thức thu được bằng con đường kinh nghiệm, chủ quan, cảm tính. Trong quan hệ ứng xử giữa con người với nhau từ gia đình đến làng xóm đều theo nguyên tắc trọng tình (duy tình). Hàng xóm sống cố định lâu dài với nhau là một môi trường thuận lợi để người nông dân tạo ra một cuộc sống hoà thuận trên cơ sở lấy tình nghĩa làm đầu: *Một bồ cái lý không bằng một tí cái tình* (tục ngữ). Lối sống trọng tình cảm sẽ tất yếu đẩy cái "lý" (luật pháp) xuống hàng thứ hai.

Lối sống trọng tình đã dẫn đến cách ứng xử hết sức linh hoạt và thích ứng nhanh với điều kiện hoàn cảnh cụ thể: *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài; Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy* (tục ngữ). Với nhu cầu sống hoà thuận trên cơ sở cái gốc là tình cảm giữa con người với nhau trong làng xóm càng làm cho lối sống linh hoạt trở nên đậm nét và chính là cơ sở tâm lý hiếu hoà trong các mối quan hệ xã hội dựa

trên sự tôn trọng và cư xử bình đẳng với nhau. Do vậy, người nông dân hết sức coi trọng tập thể, cộng đồng, làm việc gì cũng phải tính đến tập thể. Lối sống linh hoạt, trọng tình, dân chủ là những đặc điểm tích cực, nhưng mặt trái của nó là đặc điểm tâm lý áp đặt, tuỳ tiện, tâm lý "hoà cả làng", coi thường phép nước (pháp luật): "*Phép vua thua lệ làng*", *"Đưa nhau đến trước cửa quan, bên ngoài là lý bên trong là tình"*.

Cuộc sống nông nghiệp phụ thuộc vào thiên nhiên. Do vậy, người nông dân phải dựa vào nhau để chống chọi lại với thiên tai. Hơn nữa, nền nông nghiệp lúa nước lại mang tính thời vụ rất cao, điều đó có nghĩa là mọi người phải liên kết lại với nhau, hỗ trợ nhau cho kịp thời vụ. Do đó, tính cộng đồng là một đặc điểm tâm lý đặc trưng của người Việt Nam trong văn hoá làng xã. Ở Việt Nam, làng xã và gia tộc (họ) nhiều khi đồng nhất với nhau. Bởi vậy, gia tộc trở thành một cộng đồng gắn bó và có vai trò quan trọng đối với người Việt. Sức mạnh của gia tộc thể hiện ở tinh thần đùm bọc, thương yêu nhau. Người trong họ có trách nhiệm cưu mang, hỗ trợ nhau về vật chất, tinh thần và dìu dắt, làm chỗ dựa cho nhau về chính trị *(Một người làm quan cả họ được nhờ)*. Quan hệ huyết thống là cơ sở của tính tôn ty: người sinh ra trước là bậc trên, người sinh ra sau là bậc dưới. Tính tôn ty trong trật tự của các dòng tộc đã dẫn đến mặt trái của nó là tâm lý gia trưởng, trọng nam khinh nữ và đặc biệt là tâm lý địa phương, cục bộ. Đây là một rào cản rất lớn trong quá trình hội nhập của người nông dân Việt. Làng xã Việt Nam như một vương quốc thu nhỏ với luật pháp riêng (hương ước) tạo nên một sự cố kết, bền vững của làng xã và cũng đã tạo nên tâm lý bè phái, địa phương, ích kỷ. Hương ước của làng xã chính là hệ thống giá trị, chuẩn mực của làng xã, nó quy định cung cách ứng xử, lối sống của cá nhân trong làng, tạo nên sự đồng nhất, mà trước hết là trong dòng họ. Sự đồng nhất mà cơ sở là tính cộng đồng có mặt tích cực là làm cho mọi người luôn đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau (trong dòng họ trước hết) như: *Chị ngã em nâng* (tục ngữ). Nhưng mặt trái của tính đồng nhất là ý thức về cá nhân bị thủ tiêu.

Sự đồng nhất (giống nhau) dẫn đến chỗ người nông dân Việt Nam hiện nay nhiều khi có thói quen dựa dẫm, ỷ lại vào tập thể, vào số đông: *Nước nổi thì thuyền nổi* hoặc *Cha chung không ai khóc* (tục ngữ). Cũng từ đó, một nhược điểm của họ là tâm lý cào bằng, đố kỵ, không muốn cho ai hơn mình (để cho tất cả mọi người đồng nhất, như nhau), *Xấu đều hơn tốt lỏi* (tục ngữ) vẫn còn biểu hiện ở không ít địa phương.

Ở nhiều vùng nông thôn Việt Nam hiện nay, người ta coi trọng cái tiếng (danh dự) hơn các thứ khác. Do vậy, họ sẵn sàng chết đói, chết rét, chết bom, chết đạn để che chở, nuôi nấng cho con cháu mình được học hành, đỗ đạt.

Tâm lý sĩ diện trong đời sống làng xã của người nông dân dẫn đến tính khoa trương, trọng hình thức. Mặc dù đời sống kinh tế hiện nay của người nông dân vẫn còn khó khăn, nhưng họ sẵn sàng tuân theo các thủ tục, nghi lễ nặng nề, tốn kém trong cưới xin, ma chay, khao vọng, hội lễ... Những hủ tục này gây nên sự tiêu tốn kinh phí rất lớn cho cá nhân cũng như cho cộng đồng, do vậy dẫn đến sự đói nghèo của nhiều gia đình nông dân. Đây là một vật cản lớn trong quá trình hội nhập kinh tế của người nông dân Việt Nam.

Ngày nay, văn hoá làng xã còn ảnh hưởng cả đến đời sống đô thị, khiến cho đô thị Việt Nam vẫn còn phảng phất những nét, phong cách của nông thôn.

Như vậy, để thực hiện thành công quá trình CNH - HĐH đất nước, cùng với những nhiệm vụ chính trị khác, chúng ta cần khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của một số yếu tố tâm lý. Đây là một nhiệm vụ quan trọng.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Long. *Quan hệ cộng đồng và cá nhân trong tâm lý nông dân*. NXB Khoa học Xã hội, H., 2000.

2. Trần Ngọc Thêm. *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

3. Trần Quốc Vượng. *Văn hoá Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm*. NXB Văn hoá Dân tộc, 2000.

4. Phan Huy Lê. *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*. Hà Nội, 1996.

5. Phạm Minh Hạc. *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

6. Vũ Dũng. *Tâm lý học xã hội*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000.